

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2021/HS-PT

Ngày: 15/4/2021.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng
2. Ông Vũ Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 55/2021/HSPT ngày 22/02/2021, đối với các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Minh D (tên gọi khác: Duy); sinh năm 1975; giới tính: Nam; tại: tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã Quảng Khê, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: 15/16A Đường số 8, Khu phố 1, phường Linh Xuân, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 82/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị H; hoàn cảnh gia đình: có vợ Trịnh Thị N và 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28/3/2020, bị Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn T; sinh năm 1985; tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Thôn Tân Lập, xã Trường Lâm, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa); chỗ ở: 84 Đường số 4, Khu phố 3, phường Linh Xuân, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lê Hữu Đ và bà Bùi Thị L; vợ: Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1987; con: Có 02 con (con lớn sinh

năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Trần Hữu G, sinh năm 1984; địa chỉ: 42/3 Khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố D, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00’ ngày 27/5/2020, Lương Minh D gặp Lê Văn T ở quán cà phê gần cầu vượt Linh Xuân, quận Thủ Đức. Tại đây, Lương Minh D rủ Lê Văn T đi tìm ai có tài sản sơ hở để trộm cắp, Lê Văn T Đồng ý. Sau đó, Lương Minh D điều khiển xe mô tô biển số 54Z1-7221 chở Lê Văn T di chuyển qua nhiều tuyến đường tìm kiếm tài sản. Đến khoảng 01h00’ ngày 28/5/2020, Lương Minh D và Tiến phát hiện anh Trần Hữu G đang nằm ngủ trên chiếc xe mô tô hiệu Ablade biển số 60Y2-1818 dựng ở lề đường, trước bến xe Phụng Hoàng (địa chỉ: 325/11Đ, Quốc lộ 1A, Tổ 4, Khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12) có biểu hiện say rượu nên Lương Minh D dừng xe cách chỗ anh Giáo khoảng 20 mét, rồi Lương Minh D đi bộ đến vị trí anh Trần Hữu G kiểm tra thì thấy anh Giáo ngủ say nên quay lại nói cho Lê Văn T biết; Lê Văn T đi đến chỗ anh Trần Hữu G, trên đường đi Lê Văn T nhặt được chìa khóa xe máy gần chỗ anh Trần Hữu G và cắm vào ổ khóa xe máy của anh Trần Hữu G thì thấy khớp; Lê Văn T dìu anh Trần Hữu G nằm trên vỉa hè sát lề đường, rồi lấy xe của anh Trần Hữu G chạy đi, còn Lương Minh D điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Cả hai mang xe mô tô vừa trộm cắp được của anh Giáo đến gửi tại nhà trọ của anh Nguyễn Mạnh C (địa chỉ: 611, Khu phố 3, phường Linh Xuân, quận T), rồi Lương Minh D chở Lê Văn T về. Đến khoảng 02h00’ ngày 28/5/2020, anh Trần Hữu G thức dậy phát hiện bị mất xe và qua định vị, anh Giáo phát hiện vị trí xe mô tô của mình nên trình báo với Công an phường Linh Xuân, quận T đến kiểm tra, thu giữ chiếc xe mô tô nêu trên. Vụ việc được lập hồ sơ, sau đó Công an quận Thủ Đức chuyển tin báo đến Công an Quận 12 để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 120/KLĐG ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận 12, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Ablade biển số 60Y2-1818, có giá trị 10.400.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lương Minh D 09 (chín) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/01/2021, bị cáo Lê Văn T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên xin hưởng án treo. Ngày 18/01/2021, bị cáo Lương Minh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lương Minh Duyên và Lê Văn Tiến, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt Lương Minh D và Lê Văn T, mỗi bị cáo mức án 09 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ; nên được chấp nhận để xem xét giải quyết.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo: Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo, nhận thấy:

- Đối với bị cáo Lương Minh D: Phạm tội với vai trò chính là người cầm đầu rủ rê, có nhân thân xấu (có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”); nên không đủ điều kiện được xem xét hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Minh Duyên và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Lê Văn T: Tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là lao động chính (gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có 02 con còn nhỏ), phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú ổn định; đủ điều kiện được xem xét hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355 và điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tiến và sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T không tranh luận, chỉ xin xem xét được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn có con nhỏ và bản thân đã nhận thức được sai phạm của mình, mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sửa chữa và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật - tài liệu, lời khai của (bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã đủ cơ sở để kết luận: Muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 01h00' ngày 28/5/2020, các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T đã rủ rê nhau lợi dụng lúc chủ sở hữu đã uống rượu bia đang ngủ say, sơ hở trong việc quản lý tài sản; để cùng nhau lén lút, bí mật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Ablade biển số 60Y2-1818 của anh Trần Hữu G dựng ở lề đường, trước bên xe Phương Hoàng (địa chỉ: 325/11Đ, Quốc lộ 1A, Tổ 4, Khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt: Theo bản kết luận định giá tài sản số 120/KLĐG ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 12, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Ablade, biển số 60Y2-1818 có giá trị 10.400.000 đồng; thuộc trường hợp “có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng”.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt và hành vi nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T có đơn kháng cáo về hình thức là làm trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại Điều 333 và Điều 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại các điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và xử phạt các bị cáo Lương Minh Duyên và Lê Văn Tiến, mỗi bị cáo mức án 09 tháng tù là thỏa đáng, không nặng; mới đủ tác dụng để răn đe giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Trong vụ án, các bị cáo Lương Minh D và Lê Văn T phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo Lương Minh D là người khởi xướng, rủ rê giữ vai trò chính; còn bị cáo Lê Văn T là người thực hành tích cực.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với bị cáo Lương Minh D: Phạm tội với vai trò chính là người cầm đầu rủ rê, có nhân thân xấu (có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” chưa được xóa); nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5//2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đồng thời tại cấp phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Minh D nên giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Lê Văn T: Tại phiên tòa phúc thẩm, có xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới (gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo lao động chính nuôi dưỡng 02 con còn nhỏ) theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được xem xét; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định và trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật. Do đó, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đã có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét, kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tiến là có cơ sở nên được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bị cáo Lương Minh Duyên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và kháng cáo của bị cáo Lê Văn Tiến được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm - theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 556 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Minh D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Lương Minh D.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lương Minh D 09 (Chín) tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Lê Văn T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể ngày tuyên án phúc thẩm, về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn T chấp hành hình phạt tù của bản án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lương Minh D nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Lê Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo Lê Văn T)

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P.PC53-CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 12; (2)
- TAND Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (23) (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh